

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 15 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ vào các Điều 149, 212, 213 và Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84 và 110 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa XIV quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 178/2025/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 8 năm 2025 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, nuôi con”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Bà Nông Thị Đ, sinh năm 1992; CCCD: 004192004530; địa chỉ: C, Khối nhà B Nhà ở xã H, đường D, Tổ B, Khu phố Đ, phường C, Thành phố Hồ Chí Minh;

2. Ông Lê Tấn C, sinh năm 1978; CCCD: 060078003277; địa chỉ: C, Khối nhà B Nhà ở xã H, đường D, Tổ B, Khu phố Đ, phường C, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nông Thị Đ và ông Lê Tấn C tự nguyện kết hôn và đăng ký kết hôn vào năm 2016 tại UBND phường Đ, thành phố P, tỉnh Bình Thuận, được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 76/2016 ngày 24/10/2016. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa bà Nông Thị Đ và ông Lê Tấn C là hợp pháp theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên bà Nông Thị Đ và ông Lê Tấn C yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Vì hai bên đã thực sự tự nguyện ly hôn, phù hợp quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên Tòa án công nhận.

[2] Về con chung: Bà Nông Thị Đ và ông Lê Tấn C thống nhất có 01 con chung trong thời kỳ hôn nhân là cháu Lê Hoàng Nhật M, sinh ngày 21/4/2017. Bà Nông Thị Đ và ông Lê Tấn C thỏa thuận con chung là cháu Lê Hoàng Nhật M, sinh ngày 21/4/2017 sẽ do bà Nông Thị Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Xét thấy, sự thỏa thuận của các đương sự về con chung là tự nguyện, phù hợp với quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên Tòa án công nhận.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Nông Thị Đ và ông Lê Tấn C tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nông Thị Đ và ông Lê Tấn C không có tranh chấp, không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[5] Về lệ phí Tòa án: Người yêu cầu phải chịu theo quy định tại Điều 149 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành (ngày 21/8/2025), không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:
 - Về quan hệ hôn nhân: Bà Nông Thị Đ và ông Lê Tấn C thuận tình ly hôn.
 - Về con chung: Bà Nông Thị Đ được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Lê Hoàng Nhật M, sinh ngày 21/4/2017.
 - Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Nông Thị Đ và ông Lê Tấn C tự thỏa thuận, không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.
 - Về tài sản chung, nợ chung: Bà Nông Thị Đ và ông Lê Tấn C không có tranh chấp, không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Bà Nông Thị Đ và ông Lê Tấn C mỗi người phải chịu số tiền là 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng), tổng cộng số tiền là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ hết vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008515 ngày 11/8/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND KV15, Thành phố Hồ Chí Minh;
- THADS Thành phố Hồ Chí Minh;
- UBND Phường Phan Thiết, Lâm Đồng;
- Người yêu cầu;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

THẨM PHÁN

Hoàng Huy Toàn